

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa
lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư, thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp
và UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số: 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018, 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020, 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020, 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019, 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019, 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021, 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021, 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 480/TTr-SKHĐT ngày 28/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC được chuẩn hóa lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

1. Bãi bỏ danh mục TTHC được ban hành tại Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư (trừ các TTHC: Lĩnh vực Đấu thầu tại Mục IV Phần A; lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Mục V Phần A và lĩnh vực thẩm định dự án tại Mục II Phần B của Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2639/QĐ-UBND), chi tiết tại Danh mục kèm theo.

2. Bãi bỏ danh mục TTHC chuẩn hóa lĩnh vực Quản lý Đầu tư, thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắc Lắc tại Mục I, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Đắc Lắc, Bưu điện tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND cấp xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Các phòng, TT: KGVX, TH, KT, PVHCC;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg 3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục hành chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện (104 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.1. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (51 TTHC)								
01	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	4	X	X
02	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên					4	X	X
03	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên					4	X	X
04	Đăng ký thành lập công ty cổ phần					4	X	X
05	Đăng ký thành lập công ty hợp danh					4	X	X
06	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
07	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	4	X	X
08	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh					4	X	X
09	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần					4	X	X
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)					4	X	X
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên					4	X	X
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên					4	X	X
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết					4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	4	X	X
15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân			4		X	X	
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết			4		X	X	
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết			4		X	X	
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)			4		X	X	
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			4		X	X	
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			4		X	X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	4	X	X
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh					4	X	X
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh					4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Miễn lệ phí - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ;	4	X	X
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty			- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	4	X	X	
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty			- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần.	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	4	X	X
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)			- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần.	- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	4	X	X
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)			- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.		4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	4	X	X
32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại					4	X	X
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần					4	X	X
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên					4	X	X
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên					4	X	X
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác					4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
37	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, thư điện tử, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
38	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ;	4	X	X
39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)			- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần, đăng ký tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	4	X	X
40	Giải thể doanh nghiệp			Thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020	Không	- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	4	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thực hiện theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2020	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ;	4	X	X
42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	4	X	X	
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	4	X	X
44	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường			- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	4	X	X	
45	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội			- Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	4	X	X	
46	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội			4	X	X		
47	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp				X	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	4	X	X
49	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh					4	X	X
50	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp					4	X	X
51	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp					4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.2. Lĩnh vực Đăng ký thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã: (15 TTHC)								
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	300.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2003 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk. 	2	X	X
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã					2	X	X
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã			2		X	X	
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia			2		X	X	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách			2		X	X	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất			2		X	X	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập			2		X	X	
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			2		X	X	
9	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã			2		X	X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	30.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2003 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk. 	2	X	X
11	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã			Không		2	X	X
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã					2	X	X
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã					2	X	X
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã					2	X	X
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã					30.000 đồng	2	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.3. Lĩnh vực Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức: (03 TTHC)								
01	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh							
02	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
03	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh				- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.4. Lĩnh vực vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: (07 TTHC)								
01	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (TTHC mới)	Theo quy định của Chính phủ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
02	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do UBND cấp tỉnh là cơ quan chủ quản	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				2	X	X
03	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu	hợp lệ				2	X	X
04	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Theo quy định của Chính phủ				2	X	X
05	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
06	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
07	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
I.5. Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: (01 TTHC)								
01	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	- Thẩm định: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Phê duyệt: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.6. Lĩnh vực Đầu tư theo hình thức đối tác công tư: (04 TTHC)								
01	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Thẩm định: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Quyết định chủ trương đầu tư: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
02	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do do nhà đầu tư đề xuất	- Thẩm định: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Quyết định phê duyệt dự án: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
03	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Thẩm định: Không quy định - Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
04	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	-Thẩm định: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Phê duyệt điều chỉnh dự án: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.7. Lĩnh vực Đầu tư trong nước: (22 TTHC)								
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh					2	X	X
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh					2	X	X
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh					2	X	X
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					2	X	X
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					2	X	X
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh					2	X	X
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh					2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
12	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
13	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
14	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Không quy định				2	X	X
15	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC					2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
17	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
18	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
20	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Hiệu đính thông tin: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 				2	X	X
21	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
22	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 				2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I.8. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp nông thôn: 01 TTHC								
01	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở KHĐT. - Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X

II. Thủ tục hành chính do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thực hiện (21 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2,3,4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
Lĩnh vực đầu tư trong nước (21 TTHC)								
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
2	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý					2	X	X
3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
4	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
5	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC					2	X	X
6	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC					2	X	X
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư					2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư; - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý				2	X	X
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh				2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý					2	X	X
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	2	X	X
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý					2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
15	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý - 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
16	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				2	X	X
17	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý					4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
18	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý - 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
19	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Ban Quản lý thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.				4	X	X
20	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Cấp lại: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Hiệu đính: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				4	X	X
21	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				4	X	X

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**Thủ tục hành chính do Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện (21 TTHC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2,3,4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh (5 TTHC)								
01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	100.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk. 	4	X	X
02	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh			30.000 đồng		4	X	X
03	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh			Không		4	X	X
04	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh			Không		4	X	X
05	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh			30.000 đồng		4	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2,3,4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (16 TTHC)								
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	150.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2003 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk. 	2	X	X
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			30.000 đồng		2	X	X
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã			2		X	X	
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			2		X	X	
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia			2		X	X	
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách			2		X	X	
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất			2		X	X	
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập			2		X	X	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)			2		X	X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2003 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk. 	2	X	X
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã			30.000 đồng		2	X	X
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã			2		X	X	
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			2		X	X	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			2		X	X	
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã			2		X	X	
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	30.000 đồng	2	X	X		

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (3 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2,3,4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ; - Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	2	X	X
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác					2	X	X
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác					2	X	X

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC	
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Kinh tế đối ngoại)	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
17	Giãn tiến độ đầu tư	
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
20	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
21	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
22	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
II	LĨNH VỰC VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI (NGO):	
1	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
III	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN (ODA)	
1	Thủ tục xác nhận chuyên gia	Các căn cứ pháp lý của Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018 của Bộ KHĐT đã hết hiệu lực
IV	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.
2	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.
3	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	
4	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	
V	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO ĐỐI TÁC CÔNG TƯ	
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ.
2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	
3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	
VI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
3	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
4	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
5	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
6	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
8	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
9	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	
11	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	
16	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
17	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	
18	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
19	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
20	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
21	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
22	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
23	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
25	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.
26	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
27	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
28	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
29	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
30	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
31	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
32	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
33	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
35	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
36	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
37	Giải thể doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
38	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.
39	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
40	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
41	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
42	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
43	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
44	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
45	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
46	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
47	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
48	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
49	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	
50	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	
51	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.
52	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	
53	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	
54	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	
55	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
56	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	
57	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	
58	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
59	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
60	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
VII LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ		
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	Nghị Quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	
9	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	

B. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Quản lý Đầu tư		
1	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
4	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
6	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
7	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	
8	Chuyển nhượng dự án đầu tư	
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
10	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
12	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
13	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
14	Giãn tiến độ đầu tư	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
15	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
16	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
17	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
18	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
19	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
20	Đảm bảo đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;
21	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý	- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
22	Điều chỉnh Quyết định chủ trương của Ban quản lý	
23	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
24	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	
25	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
26	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	